

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-PT

Ngày 24 - 4 - 2023

V/v ly hôn, tranh chấp con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Phi Yến

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Bà Đỗ Thị Thúy Năng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2023/HNGĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp con chung”. Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 23/2022/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lương Văn M, sinh năm: 1975; Địa chỉ: 15 đường M, tổ 43, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng (có mặt tại phiên tòa);

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Kim C, sinh năm: 1981; Địa chỉ: 15 đường M, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng (có mặt tại phiên tòa);

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp* cho bà Trần Thị Kim C có ông Nguyễn Phước C - Luật sư Công ty Luật TNHH Đ - Chi nhánh Đà Nẵng (có mặt tại phiên tòa);

- Người kháng cáo: Bà Trần Thị Kim C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Lương Văn M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Kim C xây dựng gia đình với nhau vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng ông sống tại tổ 4, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên gần đây vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã và không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng ông sống ly thân từ nhiều năm nay, không ai quan tâm, chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay ông xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm của ông đối với bà C không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà C.

Về con chung: Ông và bà C có hai con chung là Lương Minh H, sinh ngày 23/6/2007 và Lương Minh T sinh ngày 17/7/2009. Ly hôn, ông có nguyện vọng được nuôi hai con và yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 4.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, ông cho rằng nếu bà C không đồng ý cấp dưỡng thì ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

** Bị đơn bà Trần Thị Kim C trình bày:*

Bà thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn như ông Lương Văn M khai. Về nguyên nhân mâu thuẫn bà không đồng ý như ông M trình bày. Vào năm 2017, bà phát hiện ông M ngoại tình, từ khi bắt quả tang thì ông M trở nên lạnh nhạt với bà, mặc dù bà vẫn chu toàn bổn phận làm vợ, làm mẹ và bỏ qua không nhắc lại chuyện ngoại tình của ông M. Nay ông M yêu cầu ly hôn, bà không đồng ý, bà vẫn còn tình cảm với ông M nên nguyện vọng của bà xin được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy các con.

Về con chung: Bà và ông M có hai con chung là Lương Minh H, sinh ngày 23/6/2007 và Lương Minh T sinh ngày 17/7/2009. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà có nguyện vọng được nuôi hai con và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi hai con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Lương Văn M đối với bà Trần Thị Kim C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Văn M được ly hôn bà Trần Thị Kim C.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lương Văn M đối với bà Trần Thị Kim C nên Giấy chứng nhận kết hôn số 50 của Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam cấp cho ông Lương Văn M và bà Trần Thị Kim C không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Lương Minh H, sinh ngày 23/6/2007 và Lương Minh T, sinh ngày 17/7/2009 cho ông Lương Văn M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 16/12/2022, bị đơn bà Trần Thị Minh C nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, bà Châu yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét bác yêu cầu xin ly hôn của ông Lương Văn M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ngày 16/12/2022, bị đơn bà Trần Thị Kim C nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời gian luật định, xét thấy đơn kháng cáo hợp lệ theo quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được HĐXX chấp nhận xem xét kháng cáo.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Trần Thị Kim C thì thấy:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án án ở cấp sơ thẩm cũng như nội dung kháng cáo, bà C có nguyện vọng được đoàn tụ, không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, bà C xét thấy ông M không còn tình cảm với bà và cương quyết xin ly hôn nên bà quyết định không

núi kéo mà chấp nhận ly hôn với ông M. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn giữa ông M và bà C đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cấp sơ thẩm quyết định cho ly hôn là có căn cứ, hơn nữa tại phiên tòa hôm nay bà C cũng đồng ý ly hôn nên cấp phúc thẩm công nhận thuận tình ly hôn giữa ông M và bà C.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà C và ông M có hai con Lương Minh H, sinh ngày 23/6/2007 và Lương Minh T sinh ngày 17/7/2009. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà C cho rằng cấp sơ thẩm quyết định giao hai con cho ông M nuôi dưỡng là không hợp lý, vì hiện nay ông M đang theo Đạo giáo lạ, về nhà xa lánh vợ con, khi con ốm thì không cho đi bệnh viện, điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến thể chất và tinh thần của các con. Do đó, bà C tha thiết đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho bà được nuôi dưỡng hai con, bà không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Đối với ông M, ông cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con, ông đề nghị HĐXX giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] HĐXX xét thấy: nguyện vọng được nuôi con của ông M và bà C là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Cả ông M và bà C đều có công việc làm ổn định, có mức thu nhập đủ để nuôi con nhưng cấp sơ thẩm quyết định giao hai con cho ông M nuôi dưỡng theo yêu cầu của ông cũng như nguyện vọng của hai con là chưa phù hợp và không đảm bảo quyền lợi của bà. Bởi lẽ từ khi sinh hai cháu, bà C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng lo cho các cháu ăn học, vẫn đảm bảo điều kiện về vật chất cũng như tinh thần cho các cháu cho đến nay. Vì vậy HĐXX xét thấy nên giao cho ông M và bà C mỗi người nuôi dưỡng mỗi con là phù hợp và đảm bảo quyền nuôi con của hai bên.

[5] Đối với việc bà C cho rằng ông M theo Đạo giáo lạ nên không thể nuôi con nhưng bà C không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ cho rằng ông M không thể nuôi dưỡng con.

[6] Từ những nhận định trên, HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của bà C, sửa án sơ thẩm về con chung; HĐXX giao con Lương Minh H, sinh ngày 23/6/2007 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Lương Minh T, sinh ngày 17/7/2009 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

[7] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của bà C về con chung, giao cho bà C và ông M mỗi người nuôi một con là phù hợp với quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo nên bà C không chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị Minh C.

2. Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 23/2022/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận N như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lương Văn M và bà Trần Thị Minh C.

- Về con chung: Giao con Lương Minh H, sinh ngày 23/6/2007 cho ông Lương Văn M trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Lương Minh T, sinh ngày 17/7/2009 cho bà Trần Thị Minh C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lương Văn M và bà Trần Thị Minh C được thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí về ly hôn ông Lương Văn M và bà Trần Thị Minh C mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Ông M được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001281 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng, vậy hoàn trả cho ông M 150.000 đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm, bà Trần Minh C không phải chịu. Hoàn trả cho bà C 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001498 ngày 28/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP ĐN;
- TAND Quận N;
- CCTHADS Quận N;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Phi Yến